

BÀN VỀ CÁC NGUYÊN TẮC BIỂU HIỆN SỰ NHẤN MẠNH BẰNG PHÉP TĨNH LỰC TRÊN CÚ LIỆU TIẾNG ANH CÓ SO SÁNH VỚI TIẾNG VIỆT

Huỳnh Thị Ái Nguyên^(*)

1. Đặt vấn đề

Cấu trúc thông tin của một thông điệp được quyết định bởi người nói, theo đó thông thường thông điệp bắt đầu bằng phần thông tin người nói cho là người nghe đã biết (phần thông tin cũ), hay phần thông tin khởi đầu, và kết thúc bằng phần thông tin người nói cho là người nghe chưa biết (phần thông tin mới), hay phần thông tin tiêu điểm đáng chú ý tới. Sự phân chia theo cấu trúc này là một cách phân chia khác với cấu trúc cú pháp của câu. Tuy nhiên, nó không độc lập với cấu trúc câu, mà chính là được hiện thực hoá dựa trên cấu trúc có sẵn của câu như quan điểm của Lambrecht, K [12, tr26, 1994] khi ông phân bác quan điểm của các nhà ngữ pháp cực đoan rằng yêu cầu giao tiếp ảnh hưởng trực tiếp không chỉ đến nội dung mà cả hình thức của phát ngôn và do đó cấu trúc thông tin có thể trong một chừng mực nào đó giải thích cho cấu trúc câu. Vậy, theo Lambrecht, không thể có quan hệ một đối một giữa yêu cầu hay dự định giao tiếp và hình thức ngữ pháp của câu. Người nói không tạo cấu trúc mới để diễn đạt nghĩa mới mà chỉ lợi dụng một cách sáng tạo

những cấu trúc đã có tương ứng với mục đích giao tiếp của họ. Chính vì vậy, các ngôn ngữ có thể có những hình thức khác nhau nhưng đều có thể có chung nhau một số nhu cầu giao tiếp nhất định. Những cách diễn đạt khác nhau về mặt hình thức trong các ngôn ngữ khác nhau có thể cùng để phục vụ cho một số nhu cầu giao tiếp giống nhau. Đó cũng là lý do chúng tôi muốn tìm hiểu những phương tiện để diễn đạt sự nhấn mạnh về mặt thông tin trong tiếng Anh mà người học ngoại ngữ và người dịch thuật cần phải lưu ý đến.

Trong bài viết này chúng tôi muốn thử bàn những nguyên tắc nào làm cho cấu trúc tĩnh lược trở thành phương tiện nhấn mạnh trên cú liệu tiếng Anh có so sánh với tiếng Việt.

2. Đặc điểm của kiểu cấu trúc tĩnh lược

Cấu trúc câu thể hiện ý nghĩa nhấn mạnh có thể được phân thành ba loại: cấu trúc thu hẹp cấu trúc vốn có, cấu trúc mở rộng cấu trúc vốn có, và cấu trúc thay đổi trật tự của cấu trúc vốn có. Cấu trúc tĩnh lược (ellipsis) là cấu trúc thu hẹp cấu trúc vốn có.

^(*) ThS., Khoa Anh, Trường Đại học Dân lập Thăng Long.

Tỉnh lược theo định nghĩa của Mc Arthur, K. (ed) [15,1992] là rút bớt các thành tố của ngôn ngữ vì một mục đích nhất định. Thành tố được lược bỏ ở đây thông thường có thể phục hồi từ ngữ cảnh của văn bản hay ngữ cảnh nói năng. (Trong phạm vi bài viết về phương tiện cho sự nhấn mạnh này, chúng tôi sẽ không đề cập đến phép tỉnh lược mang tính liên kết văn bản mà được phục hồi từ trong cùng một phát ngôn (như trong ví dụ 7). Phép tỉnh lược này, theo chúng tôi, không mang lại hiệu quả nhấn mạnh mà đây chỉ là một công cụ cú pháp sử dụng chung một thành phần đã có trong hai mệnh đề. Chúng tôi sẽ chỉ lưu ý đến phép tỉnh lược là phương tiện cho ý nghĩa nhấn mạnh mà thôi.)

Phần được tỉnh lược để tạo nên cấu trúc thu hẹp phải là một ngữ (phrase), mà theo quan điểm của Quirk, R [17,1980] chỉ có các ngữ mới làm thành phần của câu. Một ngữ ở đây có thể bao gồm một hay hơn một từ.

Phép tỉnh lược có khi đi kèm với phép thay thế (substitution). Phép thay thế không làm thu hẹp cấu trúc vốn có mà chỉ làm gọn đi sự hiện thực hoá cấu trúc này.

Cấu trúc thu hẹp cấu trúc vốn có bằng phép tỉnh lược có thể được thực hiện thông qua việc lược bỏ một trong số các thành phần câu trong danh sách 5 thành phần câu của Quirk (Chủ ngữ, Động từ, Tân ngữ, Bổ ngữ và Trạng ngữ) hay thậm chí lược bỏ nhiều hơn một thành phần câu. Chúng tôi xin dẫn ra một số ví dụ dưới đây (phần trên thực tế đã bị lược bỏ được phục hồi trong dấu ngoặc đơn).

2.1. Lược chủ ngữ

The master said:

“You - you did what?”

“(I) stopped to talk with Huckleberry Finn.”

There was no mistaking the word (1)
Mark Twain

Thầy giáo hỏi:

– Sao-mày nói sao?

– Thưa thầy, con đứng lại nói chuyện với thằng Hắc Fin ạ.

Thật là không còn nghe làm gì nữa.

(Bản dịch của Ngụy Mộng Huyền và Hoàng Văn Phương)

Dịch giả đã tự động thêm vào phần chủ ngữ trong câu trả lời. Điều này cũng dễ hiểu đối với độc giả Việt Nam vì cách dùng đây đủ chủ ngữ là rất quan trọng, nhất là trong giao tiếp giữa người có vị thế thấp hơn với người có vị thế cao hơn.

2.2. Lược động từ

“The Treadmill and the Poor Law are in full vigor, then?” said Scrooge.

“Both (are) very busy, sir.” (2)

(*Charles Dickens*)

“Nhà tù khổ sai và Luật pháp vẫn còn hoạt động đấy hẳn?” Scrooge nói.

“Thưa ông, cả hai đều rất bận.”

Động từ “TO BE” có giá trị về mặt ngữ pháp ở đây được lược bỏ vì không chuyển đạt một thông tin quan trọng nào.

2.3. Lược cả chủ ngữ và động từ

“What shall I put you down for?”

“(You will put down for) Nothing!”
Scrooge replied. (3)
(*Charles Dickens*)

“Xin phép tôi sẽ ghi ông nộp bao
nhiều tiền đây?”

“Không một xu!” Scrooge trả lời.

2.4. Lược phần vị ngữ

They suspected that he had given
her an apple and he had (given her an
apple). (4)

(*Randolph Quirk*)

Họ ngờ rằng anh ta đã cho cô ấy
một quả táo và quả thật anh ta đã làm
điều đó.

2.5. Lược một thành phần câu khác

“Are they still in operation?”

“They are (still in operation).” (5)
(*Charles Dickens*)

“Chúng vẫn hoạt động chứ?”

“Vẫn.”

(Chúng tôi cho rằng ở đây câu tiếng
Việt tương ứng nên lược bỏ chủ ngữ và
động từ, để lại phần trạng ngữ thì thích
hợp hơn và nghe ra tiếng Việt hơn là
tĩnh lược kiểu tiếng Anh tức để lại chủ
ngữ và động từ mà lược bỏ trạng ngữ và
bổ ngữ cho chủ ngữ.)

Phần thông tin tĩnh lược có thể
được phục hồi từ hoàn cảnh giao tiếp
mà không phụ thuộc vào ngữ cảnh của
văn bản:

(I) Beg your pardon?: Xin lỗi?

Let (me) see them: Cho (tao) xem nào (6)

Phần thông tin tĩnh lược, mặt khác,
cũng có thể được phục hồi dựa trên văn

bản/ngôn bản, và do đó thường mang
tính liên kết văn bản. Phần thông tin
này có thể phục hồi ngay trong cùng một
phát ngôn như trong ví dụ sau:

With an ill-will Scrooge dismounted
from his stool, and (he) tacitly admitted
the fact to the expectant clerk in the
tank, who instantly snuffed his candle
out, and (who) put on his hat. (7)

(Một cách thiếu thiện chí, Scrooge
nhòai người lên từ ghế, và ngầm ám chỉ
sự thật với người thư ký đang mong đợi.
Viên thư ký vội thổi tắt nến và đội mũ
lên đầu.)

(*Charles Dickens*)

Thông tin có thể phục hồi từ phần
ngôn bản đi trước hoặc sau nó như ví dụ
số (3) là một trường hợp điển hình.

3. Nguyên tắc nhấn mạnh dựa trên cấu trúc tĩnh lược

Phép tĩnh lược cấu trúc tạo nên
hiệu quả nhấn mạnh phần còn lại
không được tĩnh lược. Điều này có thể
lý giải được dựa trên nguyên tắc và các
phương châm cộng tác hội thoại của
Grice, H.P [8, 1975] về lược:

Làm cho đóng góp của bạn đủ thông
tin như yêu cầu.

Đừng làm cho đóng góp của bạn
nhiều thông tin hơn yêu cầu.*

Theo phương châm này, thì khi
một điều người nói cho là người nghe
đã biết hoặc không cần phải lưu tâm
tới nữa, người nói có thể lược bỏ trong
phát ngôn của mình. Phần còn lại là
thông tin mà người nói muốn người
nghe biết đến hay lưu tâm đến, hay nói

cách khác, người nói muốn nhấn mạnh vào phần thông tin không bị tỉnh lược.

Quirk, R [17, 1980] cũng thể hiện quan điểm của mình ủng hộ ý kiến trên khi ông cho rằng chú ý được tập trung vào phần thông tin mới bằng cách tránh sự lặp lại phần thông tin đã biết. Điều này cũng có nghĩa là phép tỉnh lược được thực hiện để tránh lặp lại những phần thông tin cũ và phần thông tin còn lại trong phát ngôn là phần thông tin được nhấn mạnh.

Theo quan sát của chúng tôi, cấu trúc tỉnh lược nhằm mục đích nhấn mạnh được sử dụng trong các trường hợp sau:

3.1. Để khẳng định lại một điều đã nói

"Tom, it was middling warm in school, warn't it?"

"Yes'm"

"(It was) Powerful warm, warn't it?"

"Yes'm" (8)

(*Mark Twain*)

"Tom, hôm nay ở trường trời nóng phải không?"

"Vâng ạ."

"Nóng đến ngót chứ lị?" *

"Vâng ạ."

Điều khẳng định lại được nhấn mạnh thêm bằng cách nhắc lại cộng thêm phương tiện từ vựng: thay từ powerful cho middling. Ngoài ra, người nói còn cố tình lược bỏ tất cả các thành phần khác của câu để lại thành phần được nhấn mạnh.

3.2. Để nhấn mạnh vào phần thông tin trả lời

"Do you know many of the people around here?"

"(I know) Hardly a soul," said Framton. (9)

(*HH Munro Saki*)

"Ông có biết nhiều người ở quanh đây không?"

"Gần như chẳng biết một ai."

Tất cả các thành phần còn lại của câu đều được lược bỏ, chỉ để lại phần thông tin trả lời nhằm nhấn mạnh vào phần thông tin cần biết. Người nói hỏi về X và người đáp cũng chỉ trả lời về X, gạt bỏ hẳn tất cả những phần thông tin mà người hỏi và người đáp cùng chia sẻ.

3.3. Để nhấn mạnh vào phần thông tin hỏi

"What a great man!"

"Why (is the man great)?" (10)

(*Grace Yi Qiu Zhong & Patricia Noble Sullivan*)

"Quả là một người đàn ông tuyệt vời!"

"Tại sao (ông ta lại tuyệt vời đến vậy)?"

Trong ví dụ trên, phần được nhấn mạnh là một câu hỏi. Từ để hỏi ở đây là ý chủ đạo mà người hỏi lại muốn nhấn mạnh, cho nên tất cả những gì mà người nói thứ nhất đã nhắc đến không cần được đề cập lại ở đây nữa.

3.4. Để nhấn mạnh ý muốn ủng hộ phần thông tin đã nói

"Somebody's got to be glad to see Huck."

“And so they shall (be glad to see Huck).” (11)

(*Mark Twain*)

“Ai đó phải vui mừng được gặp Hắc chú.”

“Đĩ nhiên rồi.”

Khi ủng hộ ý của người nói đã nhắc đến, hiển nhiên người đáp phải thể hiện một hành động nào đó như một lời nói hay một cử chỉ. Lời nói đáp trả này trong ví dụ trên được thể hiện chỉ bằng cấu trúc chính của câu gồm chủ ngữ và trợ động từ mà không cần lặp lại toàn bộ phát ngôn.

3.5. Để nhấn mạnh ý phản đối phần thông tin đã nói

“Let him alone, I tell you.”

“I won't (let him alone)!” (12)

(*Mark Twain*)

“Tao bảo mày hãy để mặc nó.”

“Tao không mặc!”

It's too bad Tom couldn't go to the movie last night.

But he did (go to the movie last night). (13)

(*Grace Yi Qiu Zhong & Patricia Noble Sullivan*)

Tệ thật thằng Tom lại không đi xem phim tối qua.

Nhưng mà nó có đi đấy chứ.

Cũng như khi thể hiện ý ủng hộ, khi thể hiện sự phản bác, người đáp cũng chỉ cần sử dụng cấu trúc chính của câu gồm chủ ngữ và trợ động từ, hay có thể có cả từ mang nghĩa tương phản (như trong ví dụ (12) là từ phủ định NOT).

Trong giao tiếp, chúng tôi quan sát thấy người Anh sử dụng nhiều cấu trúc tình lược để nhấn mạnh hơn người Việt. Cụ thể, chúng tôi thu thập được 79 ví dụ về cấu trúc nhấn mạnh bằng phương tiện tình lược trong các cuộc hội thoại trong tác phẩm tiếng Anh “Cuộc phiêu lưu của Tom Xoyơ” của nhà văn Mark Twain nhưng chỉ có 29 ví dụ được dịch sang tiếng Việt dưới dạng cấu trúc tình lược trong bản dịch của hai dịch giả Ngụy Mộng Huyền và Hoàng Văn Phương, nhà xuất bản Văn học in năm 1988. Sự khác biệt trong hai ngôn ngữ này có thể được lý giải về mặt cú pháp, ngữ âm và cả về mặt xã hội.

♦ Về mặt cú pháp, không giống như trong tiếng Việt, trong tiếng Anh sự vắng mặt cách diễn đạt đầy đủ một thành phần câu nào đó có thể được thay thế bằng một thế tố (pro-form). Thế tố là tên gọi chung cho tất cả các từ hay cụm từ làm nhiệm vụ thay thế. Cụ thể hơn, thay thế cho danh từ ta có đại từ, thay thế cho động từ ta có thể có trợ động từ. Ngoài ra, một số trạng từ hay các thế tố khác cũng có thể được dùng để thay thế cho một biểu thức mô tả nào đó. Khi thế tố bằng \emptyset thì ta có cấu trúc tình lược. Ta lấy lại ví dụ (12) để minh họa:

Ví dụ: “Let him alone, I tell you.”

“I won't (let him alone)!”

Trợ động từ “will” được dùng không chỉ có giá trị cho phạm trù thời gian mà còn có giá trị đóng vai như là một thế tố, qua đó, có thể giúp cho những thành phần còn lại của vị ngữ có thể được tình lược.

♦ Xét về mặt ngữ âm, một số từ trong tiếng Anh có hai dạng đọc gọi là

dạng mạnh (strong form) và dạng yếu (weak form). Theo Peter Roach, P [18, 1983], những từ không mang giá trị lớn về mặt thông tin thường được đọc dưới dạng yếu. Những từ này thông thường là những từ chỉ mang chức năng cú pháp (được gọi là grammatical word hay functional word) hay những thể tổ cho các biểu thức mô tả. Chỉ trong trường hợp bản thân chúng được nhấn mạnh thì chúng mới được đọc dưới dạng mạnh (strong form). Dạng yếu của những từ này thông thường được giảm thiểu đến mức tối đa, theo đó chúng có thể chỉ còn lại dưới dạng một âm tiết yếu (gọi là schwa) hay thậm chí mất hẳn. Trong trường hợp đó, phép tỉnh lược được thực hiện. Ta thử lấy lại ví dụ (2):

“The Treadmill and the Poor Law are in full vigor, then?” said Scrooge.

“Both (are) very busy, sir.”

Động từ TO BE trong trường hợp này là một functional word và có thể được đọc dưới dạng yếu (/ə/) thay vì được đọc dưới dạng mạnh (/a:/) và dạng yếu trong trường hợp này là một schwa nên có thể được lược bỏ.

♦ Xét về mặt xã hội, trong tiếng Việt sự nhận thức về quyền lực rất quan trọng. Trong một cuộc giao tiếp giữa một người có vị thế thấp hơn với một người có vị thế cao hơn như trong ví dụ (1), việc lược bỏ từ xưng hô là một điều được coi là khiếm nhã nếu không nói là vô lễ. Do đó, việc tỉnh lược chủ ngữ trong giao tiếp trong tiếng Việt không xuất hiện thường xuyên mà như chúng tôi đã dẫn trong ví dụ (1)

Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy rằng có những trường hợp trong

tiếng Việt việc dùng tỉnh lược lại thuận tiện hơn trong tiếng Anh. Điều đó thể hiện ở chỗ tiếng Anh là ngôn ngữ biến hình, trong đó sự hợp dạng giữa chủ ngữ và động từ rất quan trọng, trong lúc trong tiếng Việt không cần có sự hợp dạng này. Dạng thức của các đại từ nhân xưng trong tiếng Anh cũng rất khác nhau khi đứng ở những vị thế cú pháp khác nhau. Điều kiện này cũng vắng mặt trong tiếng Việt. Do đó, trong khi tiếng Việt có thể dễ dàng lược bỏ phần vị ngữ thì tiếng Anh lại không dễ dàng đến như vậy.

Ví dụ: Ai ủng hộ?

Tôi (ủng hộ).

Trong lúc đó trong bản dịch tiếng Anh tương ứng ta dễ dàng thấy rằng đại từ nhân xưng chỉ ngôi thứ nhất trong vị thế chủ ngữ của một câu không thể đứng được một mình:

Ví dụ: Who are in favor?

I am (in favor), hay Me. (trong văn nói)
Chứ không thể nói:

*I.

4. Kết luận

Trên đây chúng tôi đã trình bày cấu trúc tỉnh lược với các ví dụ trong tiếng Anh và tiếng Việt. Cấu trúc tỉnh lược là một cấu trúc có thể nói là phổ biến trong giao tiếp tiếng Anh và cũng xuất hiện trong tiếng Việt dù có thể ít hơn. Cấu trúc tỉnh lược ngoài giá trị liên kết văn bản ra còn có thể mang ý nghĩa nhấn mạnh. Sở dĩ cấu trúc này có giá trị nhấn mạnh là vì những thông tin bị lược bỏ thông thường là thông tin cũ, thông tin không cần được lưu ý đến, phần còn lại là thông tin tiêu điểm, thông tin mới cần được quan tâm. Cấu trúc tỉnh lược được

sử dụng trong tiếng Anh và tiếng Việt đôi khi khác nhau vì những đặc tính riêng về cấu trúc của mỗi ngôn ngữ. Cấu trúc thu gọn cấu trúc vốn có bằng phép tỉnh lược là một công cụ đơn giản nhưng hữu hiệu cho ý nghĩa nhấn mạnh. Điều này cũng lại một lần nữa chứng minh lời

nói của Lambrecht, K [12,1994] rằng trong mỗi ngôn ngữ đều có những hình thức nhất định để diễn đạt một ý nghĩa nào đó, như trong trường hợp này, cấu trúc tỉnh lược tồn tại ở cả hai ngôn ngữ Anh và Việt có thể được dùng phục vụ cho mục đích nhấn mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berry, M., *Introduction to Systemic Linguistic*, Vol.1, Vol.3, Batsford Ltd., 1975.
2. Biber, D. et al., *Longman Grammar of Spoken and Written English*, Longman, 1999.
3. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, 1991.
4. Dik, S.C., *Functional Grammar*, (third revised edition), Foris Publications, 1981.
5. Dik, S.C., *The Theory of Functional Grammar*, Foris Publications, 1989.
6. Dowling, A, *Philip Locke, A University Course in English Grammar*, Prentice Hall, 1992.
7. Eastwood, J., *Oxford Guide to English Grammar*, OUP, 1994.
8. Grice, H.P., "Logic and Conversation", In P.Cole, and J.L. Morgan (eds), 41-48, 1975.
9. Halliday, M.A.K., "Notes on transitivity and theme in English" part II, *Journal of Linguistics* 3.
10. Halliday, M.A.K., *An Introduction to Functional Grammar*, OUP, 1985.
11. Jacobs, R.A., *English Syntax - A Grammar for English Language Professionals*, OUP, 1995.
12. Lambrecht, K., *Information Structure and Sentence Form*, CUP, 1994.
13. Leech, G, Jan Svartvik., *A Communicative Grammar of English*, Longman, 1975.
14. Li, Thompson., *Subject and Topic: A new typology of language*, Li (ed.), 1976.
15. McArthur, T. (ed.), *The Oxford Companion to the English Language*, New York: OUP, 1992.
16. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1998.

17. Quirk, R., *A Grammar of Contemporary English*, Longman, 1980.
18. Perter Roach, P., *Phonetics and Phonology - A Practical Course*, CUP, 1983.
19. Swan, M., *Practical English Usage, Second edition*, OUP, 1995.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XX, N_o2, 2004

ENGLISH ELLIPSIS - A DEVICE FOR EMPHASIS IN CONTRAST WITH VIETNAMESE

MA. Huynh Thi Ai Nguyen

Department of English - Thang Long University

Ellipsis is a form of shortening the original structure. Ellipsis is used as a means of emphasis in the following situations (for the following purposes):

- a. In order to confirm what has been said.
- b. In order to lay an emphasis on the response.
- c. In order to lay an emphasis on the information in question.
- d. In order to express the writer's/ speaker's support to a piece of information.
- e. In order to express the writer's/ speaker's opposition to a piece of information.

In comparison with Vietnamese ellipsis, English ellipsis is more frequently used. This phenomenon can be accounted for syntactically, phonetically and socially.

To sum up, ellipsis is a useful device for emphasis in English and can be found in Vietnamese, though not as popular.